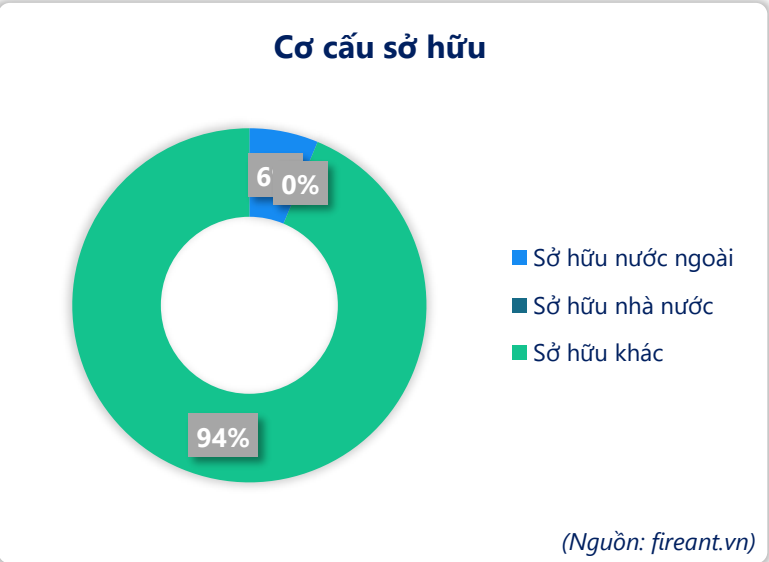
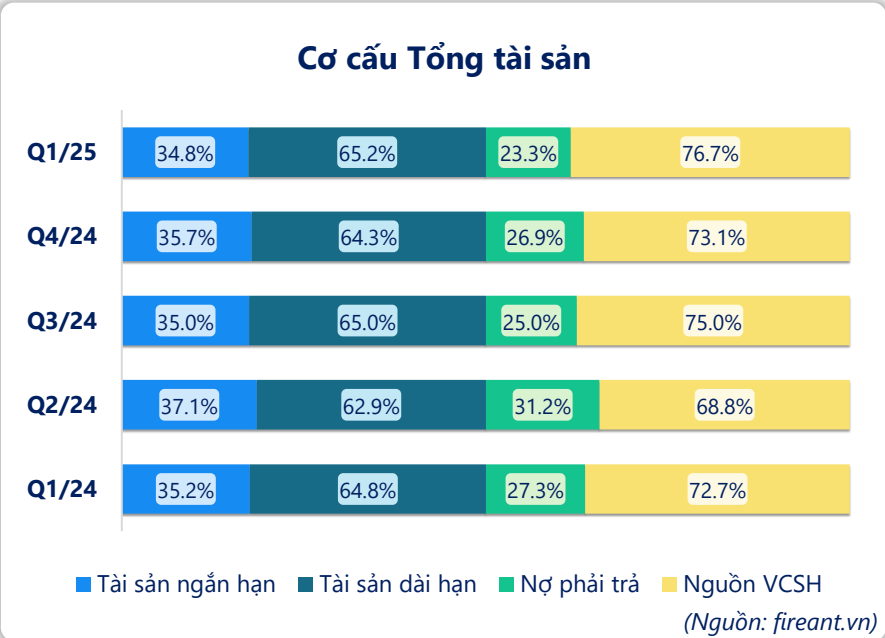
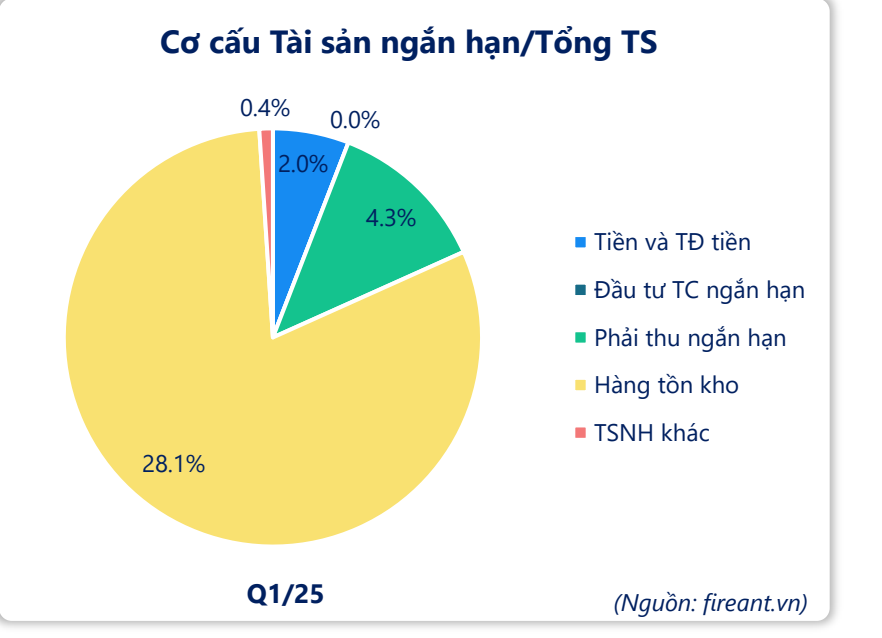
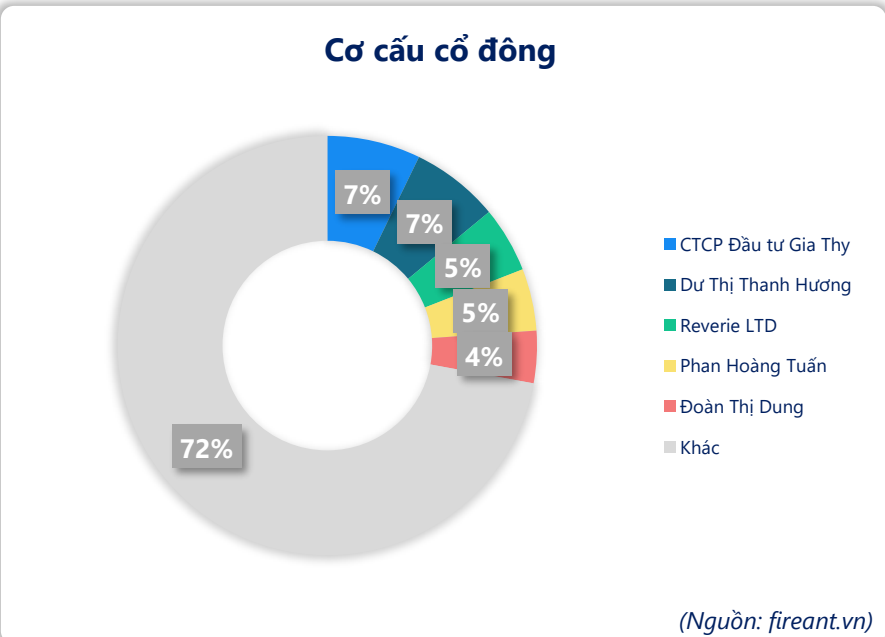
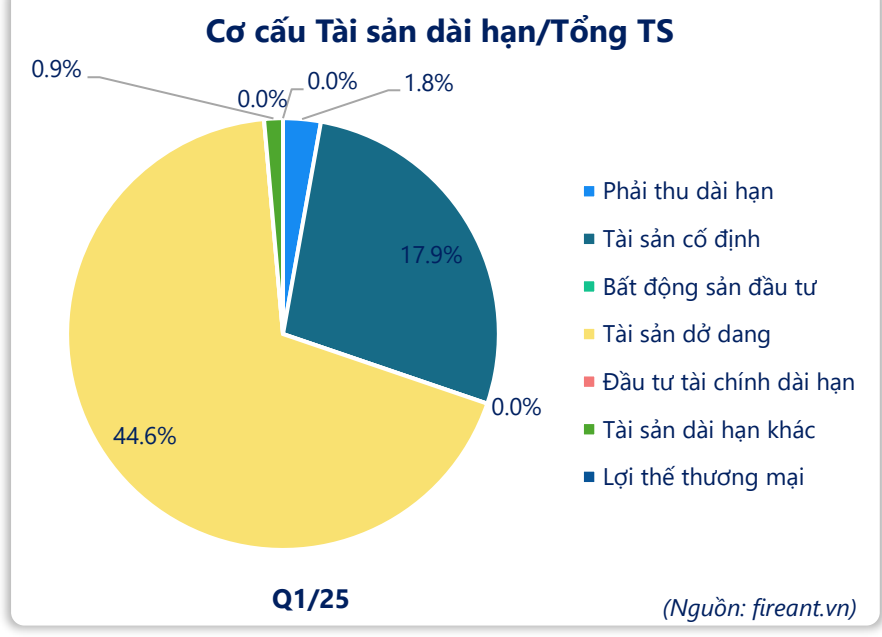
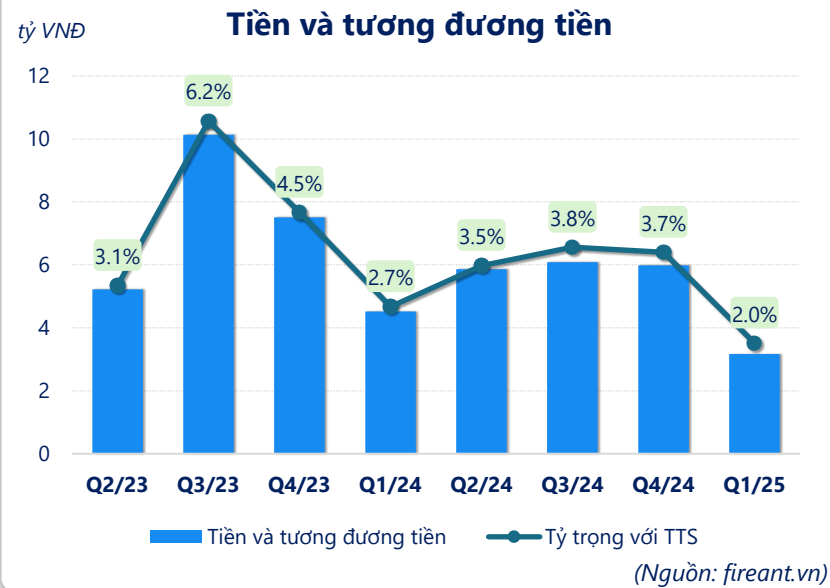
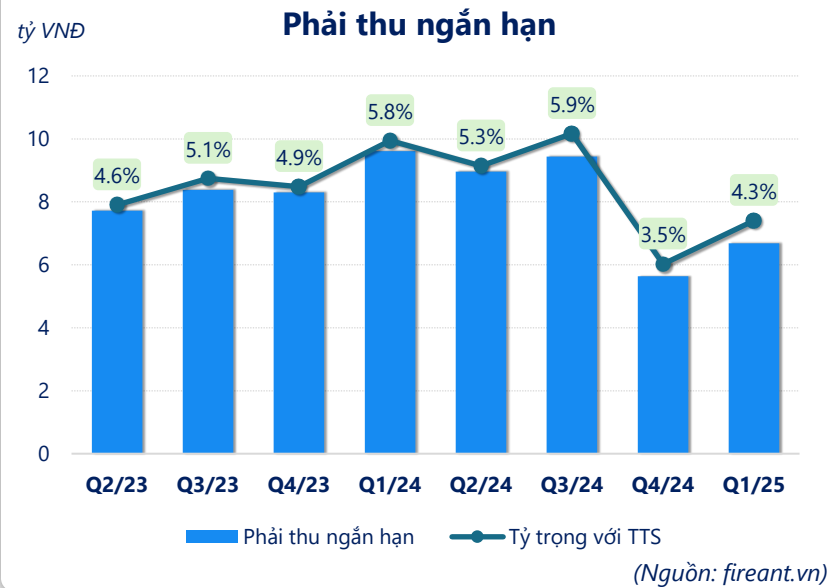
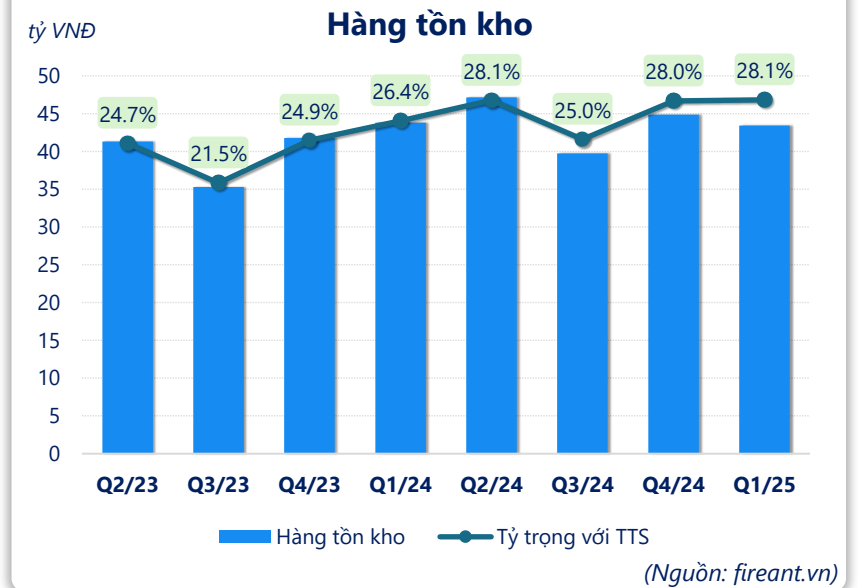
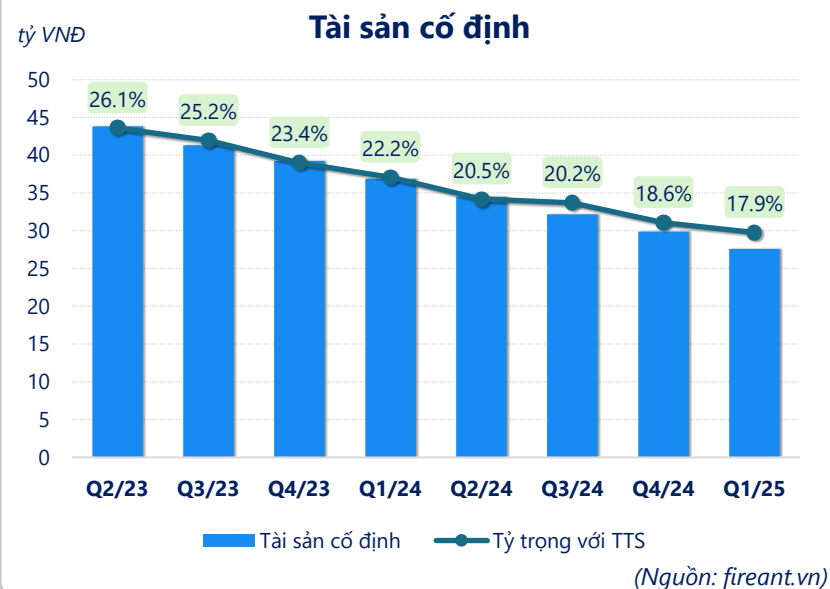
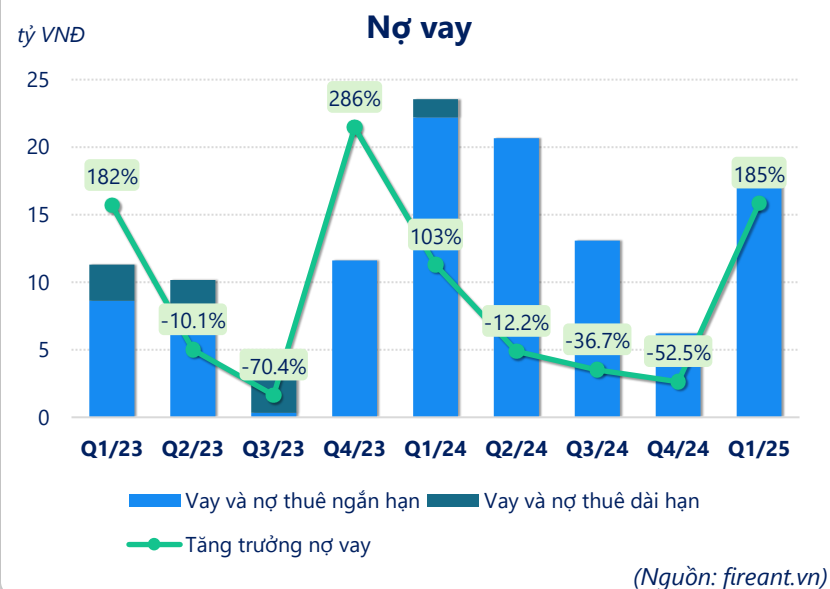
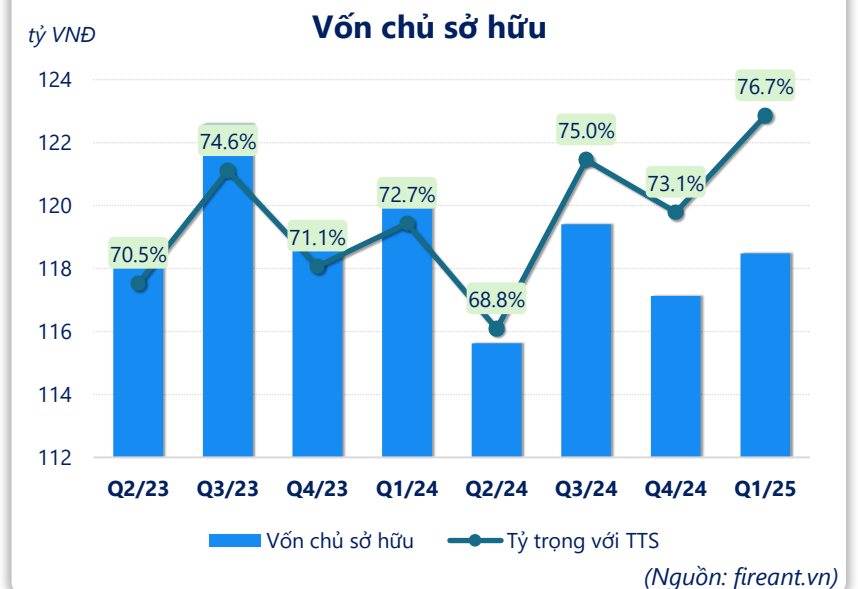
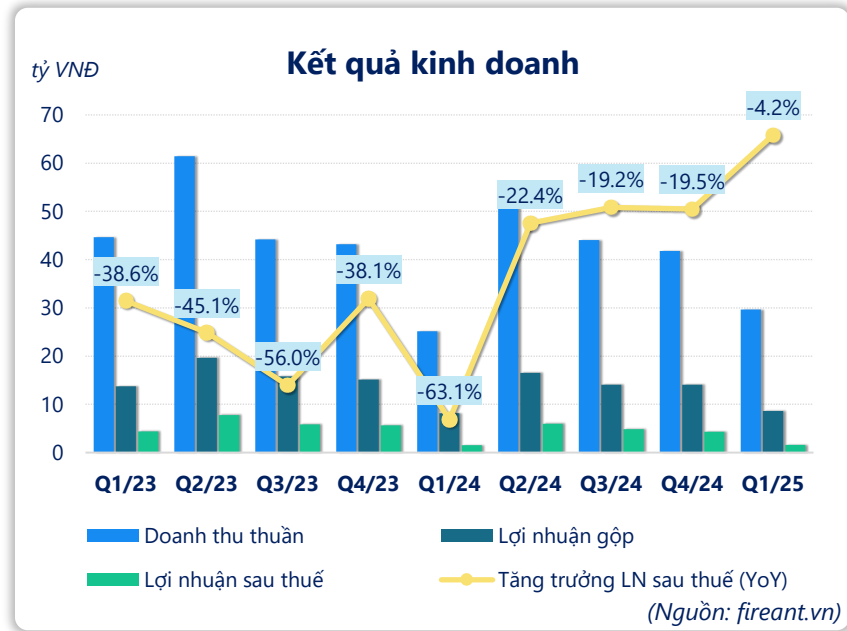
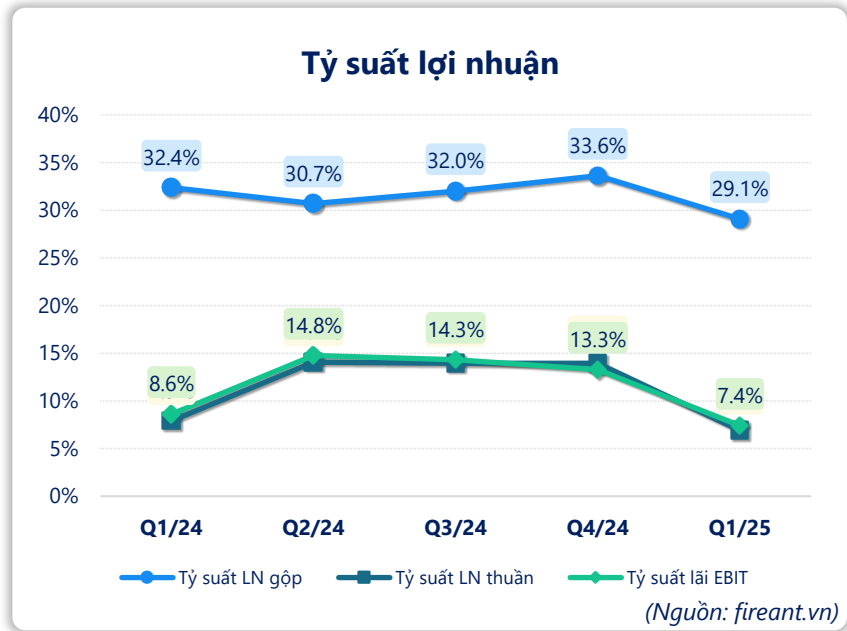
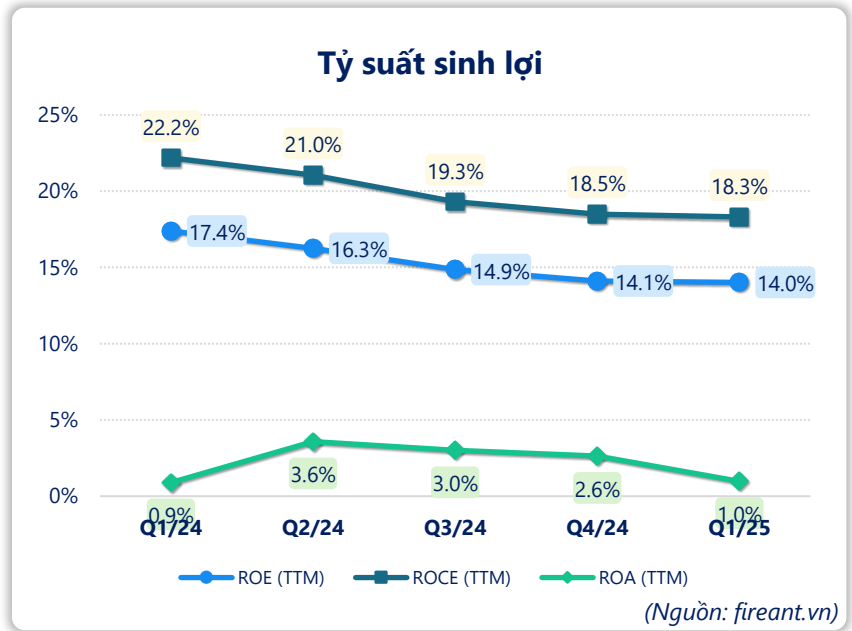
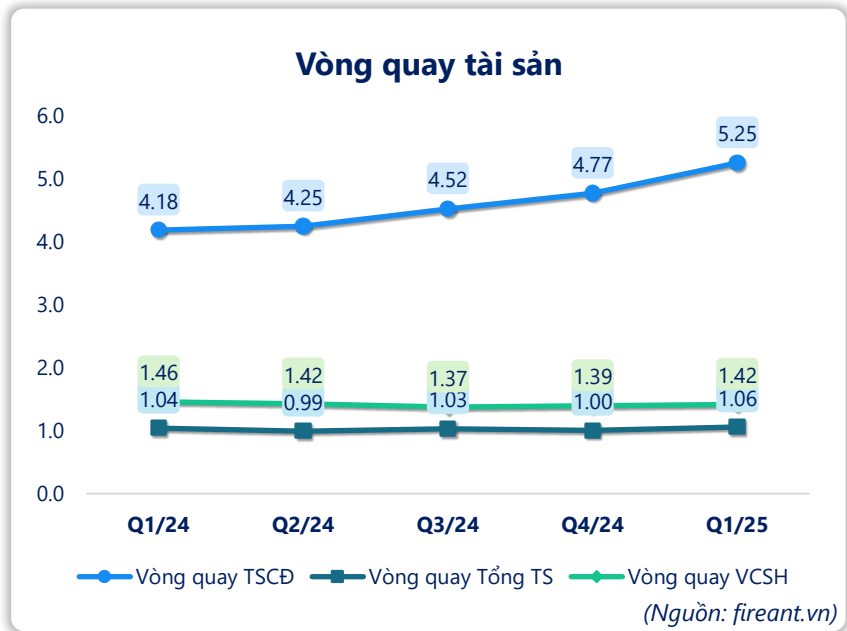
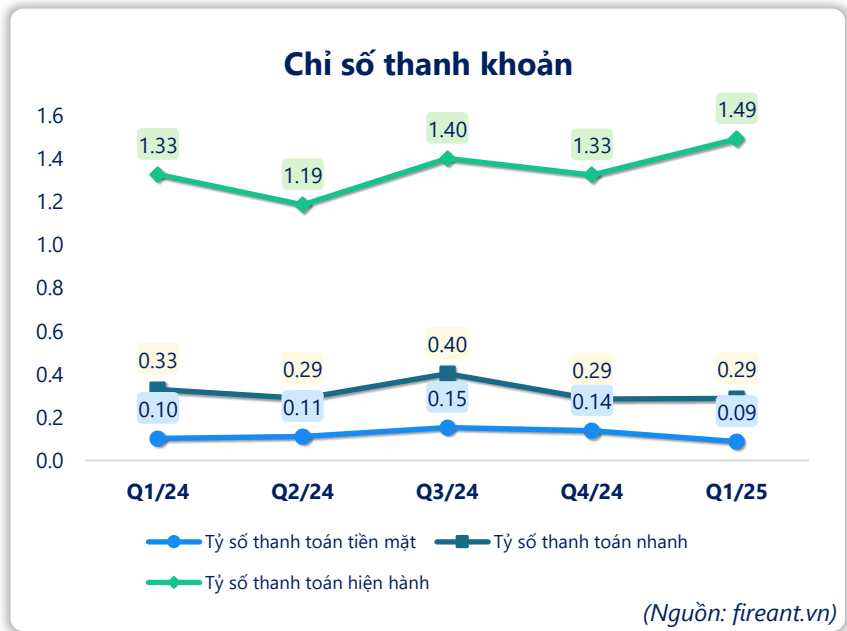
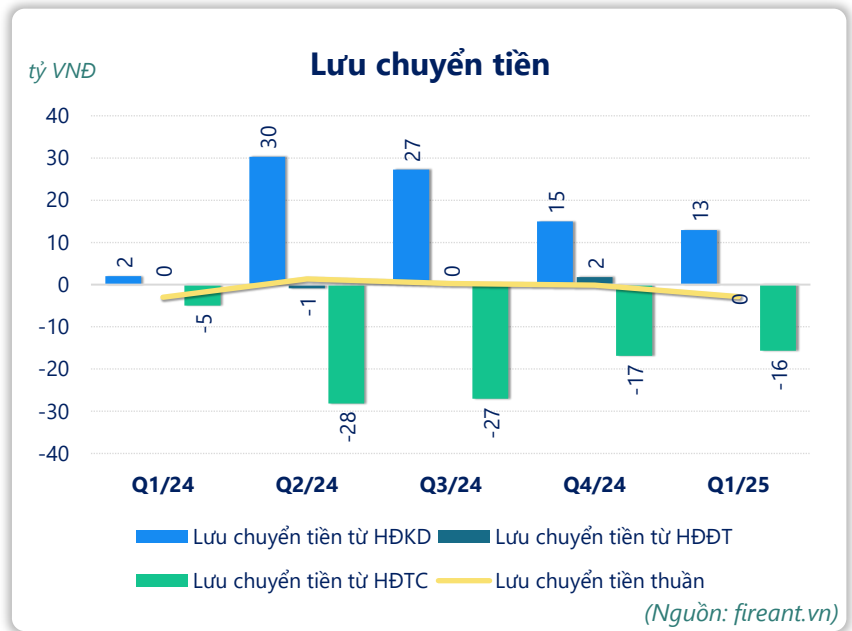


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,300
SL cổ phiếu LH		9,034,451
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,045
% sở hữu nước ngoài		6.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		156
P/E		9.3
EPS		1,853

	YTD	1T	3T	6T
GMX	-3.9%	-2.8%	-6.5%	-3.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	155	160	-3.6%
Tài sản ngắn hạn	53.8	57.3	-6.0%
Tiền và tương đương tiền	3.17	5.98	-47.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.68	5.73	16.5%
Hàng tồn kho	43.4	44.9	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.70	-19.7%
Tài sản dài hạn	101	103	-2.3%
Phải thu dài hạn	2.84	2.77	2.7%
Tài sản cố định	27.6	29.9	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.9	68.8	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.41	1.60	-11.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.1	43.1	-16.3%
Nợ ngắn hạn	36.1	43.1	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.7	6.21	185%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.66	18.1	-52.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	118	117	1.0%
Vốn chủ sở hữu	118	117	1.0%
Vốn điều lệ	90.4	90.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	25.2	53.8	44.0	41.8	29.6
Giá vốn hàng bán	17.0	37.3	29.9	27.8	21.0
Lợi nhuận gộp	8.15	16.5	14.1	14.1	8.62
Doanh thu HĐTC	0.03	0.04	0.03	0.02	0.00
Chi phí TC	0.24	0.38	0.20	0.10	0.22
Chi phí lãi vay	0.24	0.38	0.20	0.10	0.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.80	5.27	4.61	4.19	2.80
Chi phí QLDN	3.15	3.34	3.17	3.96	3.56
LN thuần từ HĐKD	1.98	7.56	6.15	5.83	2.04
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.01	-0.04	-0.37	-0.07
LN trước thuế	1.93	7.56	6.11	5.45	1.98
Lợi nhuận sau thuế	1.50	6.01	4.85	4.32	1.57
LNST của CĐ cty mẹ	1.50	6.01	4.85	4.32	1.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.00	30.3	27.3	14.9	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.84	0	1.80	-0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.99	-28.1	-27.0	-16.8	-15.7
Tiền đầu kỳ	7.50	4.51	5.86	6.09	7.50
Lưu chuyển tiền thuần	-2.99	1.35	0.23	-0.11	-2.81
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.51	5.86	6.09	5.98	4.69

(Nguồn: fireant.vn)